

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tấn Phát và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 365/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2021 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Cẩm N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu phố ..., xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố .., phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm N trình bày được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 10/4/2017. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 9/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh T đánh đập chị nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng không được gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương hòa giải. Chị N đã nộp đơn xin ly hôn với anh T nhưng được Tòa hòa giải nên vợ chồng đoàn tụ chung sống lại với nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị N xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N xác định, chị và anh T không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị N xác định, chị N và anh T tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 21/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Thanh T trình bày được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất như lời trình bày của chị N về quá trình đăng ký kết hôn, tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên anh T đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T xác định, anh và chị N không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm N và bị đơn anh Võ Thanh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm N và bị đơn anh Võ Thanh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 10/4/2017 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn chị N yêu cầu ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh T xác định không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Cẩm N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Cẩm N được ly hôn với anh Võ Thanh T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị Cẩm N và anh Võ Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Cẩm N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004849 ngày 22/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND phường P, Tp T;
- (Số 23/2017)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang